



1
T
H
K
G
T



**Công ty Cổ phần Thủy điện
Sông Ba Hạ**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



11/11/2022

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	3603000101	ngày 28 tháng 12 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh/	4400415302	ngày 14 tháng 11 năm 2011
Doanh nghiệp số	4400415302	ngày 17 tháng 10 năm 2016
	4400415302	ngày 8 tháng 3 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên của Công ty và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tạng	Chủ tịch
Ông Trần Lý	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Đức Thăng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên
Ông Tài Hoàng Nhật Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

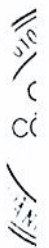
Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc
-------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Số 02C, Trần Hưng Đạo
Phường 1, Thành phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm

Thay mặt Ban Giám đốc



Phú Yên, ngày 6 tháng 3 năm 2023



CÔNG CHỨNG VIÊN



VÕ XUÂN HÙNG





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-04-00008-23-1



Trần Thị Lê Hằng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3782-2022-007-1

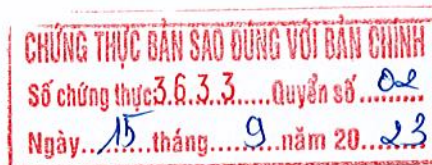
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2023



CÔNG CHỨNG VIÊN



VÕ XUÂN HÙNG



Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.412.510.148.322	960.975.320.892
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.347.235.928	4.469.299.788
Tiền	111		4.347.235.928	4.469.299.788
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		858.500.000.000	558.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	858.500.000.000	558.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		545.369.614.446	395.524.638.624
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	531.999.750.440	376.454.525.940
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.186.614.456	4.923.290.394
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	12.183.249.550	14.146.822.290
Hàng tồn kho	140	9	4.120.838.065	2.981.382.480
Hàng tồn kho	141		4.120.838.065	2.981.382.480
Tài sản ngắn hạn khác	150		172.459.883	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(b)	172.459.883	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		1.007.974.422.515	1.173.668.270.896
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	-	5.000.000.000
Tài sản cố định	220		962.575.177.649	1.141.178.270.831
Tài sản cố định hữu hình	221	10	957.257.231.524	1.136.566.365.977
Nguyên giá	222		4.243.385.838.668	4.224.690.075.373
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.286.128.607.144)	(3.088.123.709.396)
Tài sản cố định vô hình	227	11	5.317.946.125	4.611.904.854
Nguyên giá	228		6.776.510.046	5.796.087.448
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.458.563.921)	(1.184.182.594)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.704.757.686	11.950.769.949
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	31.704.757.686	11.950.769.949
Tài sản dài hạn khác	260		13.694.487.180	15.539.230.116
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	257.142.727
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		13.694.487.180	15.282.087.389
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.420.484.570.837	2.134.643.591.788

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		163.003.690.359	132.812.352.352
Nợ ngắn hạn	310		149.503.690.359	119.312.352.352
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	38.229.943.219	23.452.734.857
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	50.487.351.754	61.368.869.177
Phải trả người lao động	314		14.554.808.325	10.760.553.095
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.000.000.000	1.254.464.727
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	38.091.377.931	16.242.710.628
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	7.140.209.130	6.233.019.868
Nợ dài hạn	330		13.500.000.000	13.500.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		13.500.000.000	13.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.257.480.880.478	2.001.831.239.436
Vốn chủ sở hữu	410	18	2.257.480.880.478	2.001.831.239.436
Vốn cổ phần	411	19	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	334.664.064.163	240.434.770.345
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		632.566.816.315	471.146.469.091
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		51.468.213.273	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		581.098.603.042	471.146.469.091
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.420.484.570.837	2.134.643.591.788

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:

CÔNG CHỨNG VIỆN
 THỰC THỰC BẢN SẴO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 3634... Quyền số: 02
 Đăng ký tại Văn phòng... năm 20...
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ
 M.S.D.N: 4400415302.C.T.C
 T.P. TUY HÒA - T. PHÚ YÊN
 Trần Lý
 Giám đốc

Đang Thị Danh... năm 20...
 Kế toán trưởng

CÔNG CHỨNG VIỆN
 S.Đ.K.H.Đ: 10 - C.T.H
 VĂN PHÒNG
 CÔNG CHỨNG
 VÕ HÙNG
 T.P. TUY HÒA - T. PHÚ YÊN
VÕ XUÂN HÙNG

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	1.143.295.980.060	873.124.396.303
Giá vốn hàng bán	11	24	437.306.426.477	358.613.333.890
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		705.989.553.583	514.511.062.413
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	31.260.705.281	34.879.477.875
Chi phí tài chính	22		-	4.678.359.205
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	4.678.359.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	55.374.101.174	44.539.481.027
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26)	30		681.876.157.690	500.172.700.056
Thu nhập khác	31		296.859.669	835.784.292
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)	40		296.859.669	835.784.292
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		682.173.017.359	501.008.484.348
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	38.961.914.317	29.862.015.257
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		643.211.103.042	471.146.469.091
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	29	5.178	3.673

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Đặng Thị Lanh
Kế toán tổng hợp

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng

Người



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

VÕ XUÂN HÙNG

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	682.173.017.359	501.008.484.348
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	198.791.708.367	196.157.297.128
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(31.476.341.645)	(35.716.006.966)
Chi phí lãi vay	06	-	4.678.359.205
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	849.488.384.081	666.128.133.715
Biến động các khoản phải thu	09	(149.710.259.467)	(2.126.775.978)
Biến động hàng tồn kho	10	448.144.624	1.940.142.892
Biến động các khoản phải trả	11	914.194.468	(6.213.469.912)
Biến động chi phí trả trước	12	257.142.727	(257.142.727)
		701.397.606.433	659.470.887.990
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(4.678.359.205)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.050.049.376)	(16.711.464.532)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.930.432.738)	(13.399.939.064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	646.417.124.319	624.681.125.189
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(28.649.982.889)	(26.698.424.582)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	215.636.364	836.529.091
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(593.150.000.000)	(402.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	292.650.000.000	594.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	31.407.303.913	40.268.110.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(297.527.042.612)	206.406.215.259



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 7 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là SBH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư và quản lý các dự án nguồn điện; dịch vụ quản lý, vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp; dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp.
- Kinh doanh du lịch và dịch vụ kèm theo.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 109 nhân viên (1/1/2022: 112 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá bán chuyển khoản và tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

K.H.Đ:
VĂN P
CÔNG C
VÕ H
Y HÒA -

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong kỳ hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 - 10 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

10-C
HỒNG
HỨNG
ING
T. PHÚ

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Nguyên giá xây dựng cơ bản dở dang được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN mà theo đó chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí trong năm khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn chưa được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.



Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, đã không nhận được phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện (thủy điện).

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	83.677.968	628.309.843
Tiền gửi ngân hàng	4.263.557.960	3.840.989.945
	<hr/>	<hr/>
	4.347.235.928	4.469.299.788

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	858.500.000.000	558.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,7% đến 6,5% (1/1/2022: 3,7% đến 5,1%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Mua Bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam, một bên liên quan	531.999.750.440	376.454.525.940

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

8. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	10.586.787.671	10.733.386.303
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	1.392.655.700	3.167.704.861
Các khoản phải thu khác	203.806.179	245.731.126
	12.183.249.550	14.146.822.290

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án Trụ sở Công ty	-	5.000.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022	1/1/2022
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Nguyên vật liệu	3.833.525.989	2.829.838.345
Công cụ, dụng cụ	287.312.076	151.544.135
	<hr/>	<hr/>
	4.120.838.065	2.981.382.480
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.500.000.000	1.296.087.448	5.796.087.448
Tăng trong năm	-	980.422.598	980.422.598
Số dư cuối năm	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	472.500.000	711.682.594	1.184.182.594
Khấu hao trong năm	90.000.000	184.381.327	274.381.327
Số dư cuối năm	562.500.000	896.063.921	1.458.563.921
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.027.500.000	584.404.854	4.611.904.854
Số dư cuối năm	3.937.500.000	1.380.446.125	5.317.946.125

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 1.521 triệu VND (1/1/2022: 383 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	11.950.769.949	2.197.656.371
Tăng trong năm	69.639.028.259	20.978.945.373
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>19.192.833.555</i>	<i>13.629.227.668</i>
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>50.446.194.704</i>	<i>7.349.717.705</i>
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.432.870.000)	(3.876.114.090)
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	(43.997.998.704)	(7.349.717.705)
Chi phí sửa chữa thường xuyên	(2.454.171.818)	-
Số dư cuối năm	31.704.757.686	11.950.769.949

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Xây dựng Trụ sở Công ty ở đường Hùng Vương	24.728.846.831	5.756.240.549
Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành	6.448.196.000	-
Máy móc, thiết bị khác	527.714.855	6.194.529.400
	31.704.757.686	11.950.769.949

13. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Vật tư và Thiết bị Nam Hải	10.548.964.800	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Ngọc Bảo	4.479.017.241	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và giải pháp S5T Việt Nam	3.008.657.520	2.566.694.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	2.986.032.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.207.454.421	1.134.203.607
Công ty Cổ phần Giải pháp IDS Việt Nam	-	5.015.176.800
Công ty TNHH Phát Triển Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Hải Linh	139.809.505	2.699.589.000
Công ty Cổ phần Bảo Trì Năng Lượng	-	2.112.592.240
Công ty TNHH Xây dựng Phú Yên	-	1.984.634.250
Các nhà cung cấp khác	14.860.007.732	7.939.844.960
	38.229.943.219	23.452.734.857

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	2.207.454.421	1.134.203.607
Tổng Công Ty Phát Điện 2- Công ty mẹ	894.596.930	25.245.000
Công ty Viễn thông Điện lực và công nghệ thông tin	276.655.727	22.191.000
	3.378.707.078	1.181.639.607

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	14.249.199.847	97.428.314.479	(12.112.208.223)	(92.853.831.486)	-	6.711.474.617
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.669.494.124	38.961.914.317	-	(41.050.049.376)	-	17.581.359.065
Thuế thu nhập cá nhân	601.816.013	735.081.077	-	(1.509.356.973)	172.459.883	-
Thuế tài nguyên	11.127.536.041	86.812.048.941	-	(86.576.485.150)	-	11.363.099.832
Thuế khác	-	120.153.720	-	(120.153.720)	-	-
Các khoản phải nộp khác						
Phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	15.720.823.152	40.771.873.552	-	(41.661.278.464)	-	14.831.418.240
	61.368.869.177	264.829.386.086	(12.112.208.223)	(263.771.155.169)	172.459.883	50.487.351.754

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân	1/1/2022 VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	Số cán trừ VND	31/12/2022 VND
	-	172.459.883	-	172.459.883

CHÍNH SỞ
 * HỈNH *

PHỤ V
 NG
 TÍNH
 10-C

19/12/2022

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí ủng hộ an sinh xã hội	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí khác	-	254.464.727
	<hr/>	<hr/>
	1.000.000.000	1.254.464.727

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	24.570.086.649	907.232.216
Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn	13.382.746.716	15.261.789.004
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	121.549.566	73.689.408
Các khoản phải trả khác	16.995.000	-
	<hr/>	<hr/>
	38.091.377.931	16.242.710.628

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.233.019.868	5.030.791.932
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	14.886.462.000	14.651.007.000
Sử dụng trong năm	(13.930.432.738)	(13.399.939.064)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm	(48.840.000)	(48.840.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.140.209.130	6.233.019.868

K.H
VÀ
CÔN
VÔ
TỶ HỒ

10/11/2022

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.242.250.000.000	48.000.000.000	129.286.491.145	930.777.286.200	2.350.313.777.345
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	471.146.469.091	471.146.469.091
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	111.148.279.200	(111.148.279.200)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.651.007.000)	(14.651.007.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(804.978.000.000)	(804.978.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.242.250.000.000	48.000.000.000	240.434.770.345	471.146.469.091	2.001.831.239.436
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	643.211.103.042	643.211.103.042
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	94.229.293.818	(94.229.293.818)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.886.462.000)	(14.886.462.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(372.675.000.000)	(372.675.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.242.250.000.000	48.000.000.000	334.664.064.163	632.566.816.315	2.257.480.880.478

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo:

	Tại ngày 31/12/2022 và 1/1/2022		
	Số lượng cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	76.740.931	767.409.310.000	61,78%
Công ty TNHH Năng Lượng REE	32.000.000	320.000.000.000	25,76%
Các cổ đông khác	15.484.069	154.840.690.000	12,46%
	124.225.000	1.242.250.000.000	100,00%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 310.563 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 và tại cuộc họp ngày 12 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc tạm ứng cổ tức của năm 2022 với số tiền 62.112 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) (năm 2021: phân phối khoản cổ tức 804.978 triệu VND (tương đương 6.480 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020).

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động trong kỳ của quỹ đầu tư phát triển như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	240.434.770.345	129.286.491.145
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	94.229.293.818	111.148.279.200
Số dư cuối năm	334.664.064.163	240.434.770.345

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	6.400.000.000	-
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	16.482.019.553	31.389.964.205
	22.882.019.553	31.389.964.205

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa (điện) đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Giá vốn hàng bán

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	198.518.150.413	195.864.197.753
Chi phí nhân công	23.421.943.381	20.417.916.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.827.733.026	4.897.185.232
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	43.997.998.704	8.329.117.705
Chi phí nguyên vật liệu	1.506.637.705	1.504.402.268
Chi phí thuế, phí và lệ phí	127.583.922.493	100.625.548.217
Chi phí khác	35.450.040.755	26.974.966.148
	<hr/>	<hr/>
	437.306.426.477	358.613.333.890
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	31.260.705.281	34.879.477.875
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.796.448.055	19.559.040.352
Chi phí khấu hao và phân bổ	273.557.954	293.099.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.749.471.314	3.160.867.211
Chi phí khác	27.554.623.851	21.526.474.089
	<hr/>	<hr/>
	55.374.101.174	44.539.481.027
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.270.000.000	2.072.257.339
Chi phí nhân công và nhân viên	47.218.391.436	39.976.956.919
Chi phí khấu hao và phân bổ	198.791.708.367	196.157.297.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.577.204.340	8.058.052.443
Chi phí thuế, phí và lệ phí	127.701.076.213	100.734.353.252
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	43.997.998.704	8.329.117.705
Chi phí khác	62.124.148.591	56.153.897.836

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành Năm hiện hành	38.961.914.317	29.862.015.257

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	682.173.017.359	501.008.484.348
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	68.217.301.736	50.100.848.435
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	3.156.056.495	3.082.327.849
Chi phí không được khấu trừ thuế	238.807.414	312.111.191
Ưu đãi thuế	(32.650.251.328)	(23.633.272.218)
	38.961.914.317	29.862.015.257

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022	2021	2021
	VND	(điều chỉnh lại)	(theo báo cáo
		VND	trước đây)
			VND
Lợi nhuận thuần trong năm	643.211.103.042	471.146.469.091	471.146.469.091
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(14.886.462.000)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	643.211.103.042	456.260.007.091	471.146.469.091

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Nếu Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại sau khi Công ty nhận được số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 được phê duyệt.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 Cổ phiếu	2021 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	124.225.000	124.225.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	124.225.000	124.225.000

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND/cổ phiếu	2021 (điều chỉnh lại) VND/cổ phiếu	2021 (theo báo cáo trước đây) VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.178	3.673	3.793

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại do lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại.

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và kiểm toán tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.



Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	4.263.557.960	3.840.989.945
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	858.500.000.000	558.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(ii)	531.999.750.440	376.454.525.940
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	12.183.249.550	14.146.822.290
Phải thu dài hạn khác	(ii)	-	5.000.000.000
		<hr/>	<hr/>
		1.406.946.557.950	957.442.338.175

(i) **Tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên liên quan này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do đó, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: Không).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

C
ÁN
H

C.T.
ING
ỨNG
NG
PHÚ

M.S.C.

AB 1/11

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng	
			1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	38.229.943.219	38.229.943.219	38.229.943.219	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	38.091.377.931	38.091.377.931	38.091.377.931	-
	77.321.321.150	77.321.321.150	77.321.321.150	-
Ngày 1 tháng 1 năm 2022				
Phải trả người bán ngắn hạn	23.452.734.857	23.452.734.857	23.452.734.857	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.254.464.727	1.254.464.727	1.254.464.727	-
Phải trả ngắn hạn khác	16.242.710.628	16.242.710.628	16.242.710.628	-
	40.949.910.212	40.949.910.212	40.949.910.212	-

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Tại ngày kết thúc năm kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	858.500.000.000	558.000.000.000
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	4.263.557.960	3.840.989.945

Mỗi thay đổi 200 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 68 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (2021: 31 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái do Công ty không có tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	4.347.235.928	4.469.299.788
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	531.999.750.440	376.454.525.940
▪ Phải thu ngắn hạn khác	12.183.249.550	14.146.822.290
▪ Phải thu dài hạn khác	-	5.000.000.000
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 1 năm	858.500.000.000	558.000.000.000
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(38.229.943.219)	(23.452.734.857)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(1.000.000.000)	(1.254.464.727)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(38.091.377.931)	(16.242.710.628)

(ii) Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua dịch vụ	993.217.260	921.993.152
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên)		
Chia cổ tức	230.222.793.000	497.281.232.880
Chi phí lãi vay	-	2.763.734.548
Trả nợ gốc vay	-	48.166.866.953
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	1.143.295.980.060	873.124.396.303
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Chia cổ tức	26.880.000.000	58.060.800.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Chia cổ tức	12.000.000.000	25.920.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi		
Chia cổ tức	3.840.000.000	8.294.400.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua dịch vụ	-	1.160.727.273
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	3.506.000.000	779.487.465
Công ty viễn thông điện lực và công nghệ thông tin		
Mua dịch vụ	254.464.727	254.464.727
Công ty TNHH Năng Lượng REE		
Chia cổ tức	96.000.000.000	207.360.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	684.799.000	683.998.000
Các thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.771.138.500	1.747.593.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Văn Tặng - Chủ tịch		
Tiền lương và thưởng	711.812.000	701.769.500
Ông Trần Lý - Thành viên		
Thù lao	-	72.000.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt - Thành viên		
Thù lao	82.800.000	72.000.000
Ông Nguyễn Anh Vũ - Thành Viên		
Thù lao	82.800.000	72.000.000
Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên		
Thù lao	82.800.000	51.420.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Ông Ngô Đức Thăng - Trưởng Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	628.149.500	598.959.500
Các Thành viên khác trong Ban Kiểm soát		
Thù lao	165.600.000	91.200.000



CHỨNG THỰC BÀN SƠ ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực:....**3.6.3.7**...vấn số **02**...
 Ngày **15** tháng **9** năm **2023**
CÔNG CHỨNG VIÊN

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.



VÕ XUÂN HÙNG
 Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:

[Signature]
 Đặng Thị Lanh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

[Signature]
 Đoàn Thị Mỹ Đông
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ
 Trần Lý
 Tổng Giám đốc



